

Số: 289/QĐ-ĐHDL

Lâm Đồng, ngày 15 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v cấp trợ cấp xã hội cho sinh viên hệ chính quy học kỳ II năm học 2016 - 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27/10/1976 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-ĐHDL ngày 22 tháng 5 năm 2014 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Đà Lạt;

Căn cứ Hướng dẫn số 684/HD-ĐHDL ngày 18 tháng 8 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc thực hiện chế độ học bổng, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên hệ đào tạo chính quy Trường Đại học Đà Lạt từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021;

Căn cứ Thông báo số 206/TB-ĐHDL ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt về việc thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên hệ đào tạo chính quy học kỳ II, năm học 2016 - 2017;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấp trợ cấp xã hội học kỳ II năm học 2016 - 2017 cho 236 sinh viên hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. - Số tháng được hưởng: 06 tháng (từ tháng 3/2017 đến tháng 8/2017)

- Số tiền trợ cấp cụ thể như sau:

STT	Số sinh viên	Mức TC/ 1 tháng	Thành tiền
1	99 sv	100.000đ	59.400.000đ
2	137 sv	140.000đ	115.080.000đ
Tổng cộng:			174.480.000đ
Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tư triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng			

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng, trưởng khoa có liên quan và sinh viên có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



PGS.TS Nguyễn Đức Hòa

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC TRỢ CẤP XÃ HỘI

Học kỳ II Năm học 2016 - 2017

(Kèm theo Quyết định số 289/QĐ-ĐHDL, ngày 15 tháng 5 năm 2017)

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
1	1512466	Trần Thị	Anh	15/11/1997	AVK39B	CMC	100,000
2	1512068	Nguyễn Quốc	Thái	15/06/1996	CPK39	CMC	100,000
3	1311071	Lê Minh	Tâm	13/06/1995	CSK37	CMC	100,000
4	1312077	Võ Văn	Thao	10/04/1995	DLK37	CMC	100,000
5	1511952	Phan Sinh	Tài	08/02/1992	DLK39B	CMC	100,000
6	1312225	Lê Thị	Oanh	15/09/1995	DPK37HQ	CMC	100,000
7	1511583	Nguyễn Hữu	Trưởng	10/10/1997	LHK39B	CMC	100,000
8	1511610	Nguyễn Thị Kiều	Vân	17/01/1997	LHK39B	CMC	100,000
9	1412231	Ka Thị	Hương	17/04/1996	NVK38SP	CMC	100,000
10	1312462	Kon Sơ K' Ry	Phương	24/01/1993	AVK37B	DT-HN	100,000
11	1610799	Lý Phúc	Sinh	01/07/1998	CHK40	DT-HN	100,000
12	1312150	Ka	Thu	18/12/1994	CPK37	DT-HN	100,000
13	1412484	Rơ Ông Thanh	Hà	20/06/1996	CPK38	DT-HN	100,000
14	1412486	Kon Sơ K'	Hiếu	10/05/1995	CPK38	DT-HN	100,000
15	1510040	Rơ Yam Mi	Sa	26/07/1996	CPK39	DT-HN	100,000
16	1512053	Tou Prong Nhật	Lệ	23/06/1996	CPK39	DT-HN	100,000
17	1514010	Y Wỉnh	Ksor	25/06/1994	CPK39	DT-HN	100,000
18	1514023	Đinh Thị Mai	Ly	24/08/1997	CPK39	DT-HN	100,000
19	1514051	Lê Mô Hờ	Thom	10/07/1996	CPK39	DT-HN	100,000
20	1610027	Rơ Ông K'	Luyên	16/10/1996	CPK40	DT-HN	100,000
21	1612252	K'	Hương	30/07/1998	CPK40	DT-HN	100,000
22	1612276	Lê Mô Hờ	Rú	01/01/1997	CPK40	DT-HN	100,000
23	1610720	K'	Thi	09/07/1996	CSK40	DT-HN	100,000
24	1412393	Cơ Liêng Ha	Jăng	10/06/1996	DLK38	DT-HN	100,000
25	1513784	Pang Ting	Hậu	22/02/1997	DLK39A	DT-HN	100,000
26	1511950	Lương Ánh	Sáng	03/06/1996	DLK39B	DT-HN	100,000
27	1612000	Đinh Phạm Lệ	Hương	11/04/1998	DLK40	DT-HN	100,000
28	1613391	Ngụy Thị Hoa	Mai	17/07/1998	DLK40	DT-HN	100,000
29	1512163	Triệu Thị	Hiên	18/02/1996	DPK39HQ	DT-HN	100,000
30	1512220	Bế Thị	Lim	29/10/1995	DPK39HQ	DT-HN	100,000
31	1512276	Bế Thị	Như	06/07/1997	DPK39HQ	DT-HN	100,000
32	1612385	Nông Thị Bích	Hạnh	26/01/1998	DPK40HQ	DT-HN	100,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
33	1612406	Hà Thị	Hoài	16/12/1998	DPK40HQ	DT-HN	100,000
34	1311460	Đinh Y	Nhung	13/09/1994	LHK37A	DT-HN	100,000
35	1311492	Phạm Thị	Phương	21/01/1993	LHK37A	DT-HN	100,000
36	1311360	Hoàng Thị	Huyền	01/12/1995	LHK37B	DT-HN	100,000
37	1311531	Đàm Thị Diễm	Thu	11/09/1995	LHK37B	DT-HN	100,000
38	1311561	H'	Thủy	12/10/1994	LHK37B	DT-HN	100,000
39	1411795	A	Cơ	04/10/1995	LHK38A	DT-HN	100,000
40	1411925	Đặng Hồng	Ngọc	08/02/1995	LHK38A	DT-HN	100,000
41	1411931	Cao Thị	Ngọc	05/05/1996	LHK38A	DT-HN	100,000
42	1411970	Rơ Nang Y	Sinh	04/04/1995	LHK38B	DT-HN	100,000
43	1411976	Hoàng Văn	Trọng	27/10/1988	LHK38B	DT-HN	100,000
44	1412077	Diệp Thị Hải	Yến	15/12/1996	LHK38B	DT-HN	100,000
45	1511412	Thị	Nika	18/08/1997	LHK39B	DT-HN	100,000
46	1511157	Lâm Quang	Biên	02/11/1997	LHK39C	DT-HN	100,000
47	1511514	A	Thư	20/04/1997	LHK39D	DT-HN	100,000
48	1610008	Dương Tấn	Dương	15/08/1997	LHK40A	DT-HN	100,000
49	1611281	Mẫu Thị Kim	Điều	08/03/1998	LHK40A	DT-HN	100,000
50	1611330	Ân Gia	Hân	20/06/1998	LHK40A	DT-HN	100,000
51	1611539	Tô Thị Kim	Oanh	29/11/1997	LHK40A	DT-HN	100,000
52	1611563	Nguyễn Văn Trọng	Quang	08/07/1998	LHK40A	DT-HN	100,000
53	1611739	K'	Yong	12/01/1996	LHK40A	DT-HN	100,000
54	1613161	Lmô Y	Hào	06/12/1998	LHK40B	DT-HN	100,000
55	1411185	Mbon Ha	Săng	08/04/1996	NHK38	DT-HN	100,000
56	1610533	Lê Thị Ngọc	Linh	30/06/1998	NHK40	DT-HN	100,000
57	1311695	Cil K'	Châu	02/11/1992	NVK37	DT-HN	100,000
58	1311728	Liêng Hót K'	Juys	07/03/1994	NVK37	DT-HN	100,000
59	1412223	H'	Wời	25/01/1996	NVK38	DT-HN	100,000
60	1511716	Thị	Phí	05/08/1996	NVK39	DT-HN	100,000
61	1513536	H Nếp	Byă	01/01/1996	NVK39	DT-HN	100,000
62	1310727	Kơ Să Mi	Rít	23/04/1994	SHK37	DT-HN	100,000
63	1310765	Lý Thị	Thanh	28/02/1995	SHK37SP	DT-HN	100,000
64	1610445	Kator Thị	Hương	08/11/1998	SHK40SP	DT-HN	100,000
65	1410069	Kră Jăn K'	Phương	19/03/1995	TNK38	DT-HN	100,000
66	1412167	Thị	Sra	13/03/1995	VHK38	DT-HN	100,000
67	1510326	Kon Sa Ha	Rôn	10/10/1997	VLK39SP	DT-HN	100,000
68	1311943	Vương Thị Thu	Hằng	18/04/1995	VNK37	DT-HN	100,000
69	1513065	Đinh Văn	Quý	26/11/1996	VTK39	DT-HN	100,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
70	1615093	K'	Pọt	03/03/1998	VTK40CD	DT-HN	100,000
71	1311625	Vi Thị	Hương	27/04/1995	XHK37	DT-HN	100,000
72	1511650	Kơ Ja K'	Hương	15/08/1997	XHK39	DT-HN	100,000
73	1513490	Thị	Mũi	03/11/1997	XHK39	DT-HN	100,000
74	1512546	Phùng Trần Thu	Hương	06/12/1996	AVK39D	Kinh-HN	100,000
75	1612880	Hồ Nguyễn Văn	Khánh	24/03/1998	AVK40D	Kinh-HN	100,000
76	1613075	Nguyễn Thị Hoài	Trình	20/05/1998	AVK40E	Kinh-HN	100,000
77	1613449	Hoàng Thị Thu	Hà	07/10/1998	AVK40F	Kinh-HN	100,000
78	1612003	Nguyễn Thị	Hường	07/06/1998	DLK40	Kinh-HN	100,000
79	1612089	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	03/11/1998	DLK40	Kinh-HN	100,000
80	1512233	Vũ Thị Thùy	Linh	19/04/1996	DPK39HQ	Kinh-HN	100,000
81	1512397	Lê Thị Ánh	Tuyết	16/01/1996	DPK39NB	Kinh-HN	100,000
82	1612614	Nguyễn Huỳnh Thùy	Thương	20/09/1996	DPK40HQ	Kinh-HN	100,000
83	1612638	Ngô Thuỳ	Tiên	02/11/1997	DPK40HQ	Kinh-HN	100,000
84	1612651	Dương Thị Hiền	Trang	02/09/1997	DPK40HQ	Kinh-HN	100,000
85	1413105	Trần Ngọc	Nhanh	03/01/1996	HHK38	Kinh-HN	100,000
86	1610353	Mai Văn	Khâm	16/09/1998	HNK40	Kinh-HN	100,000
87	1513339	Mai Thị	Hòa	17/08/1997	KTK39	Kinh-HN	100,000
88	1411906	Trần Thị	Mai	17/10/1996	LHK38A	Kinh-HN	100,000
89	1511278	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	20/05/1996	LHK39D	Kinh-HN	100,000
90	1514155	Đặng Văn	Quốc	24/11/1996	QHK39	Kinh-HN	100,000
91	1612731	Lê Thị	Mai	06/11/1998	QHK40	Kinh-HN	100,000
92	1612752	Huỳnh Thị	Tùng	26/10/1998	QHK40	Kinh-HN	100,000
93	1412359	Lương Thị ánh	Nguyệt	21/07/1996	VNK38	Kinh-HN	100,000
94	1313157	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	26/09/1995	CPK37	TT	100,000
95	1610633	Đỗ Nhật	Huy	26/02/1998	CSK40	TT	100,000
96	1612690	Lương Thị	Vân	17/06/1996	DPK40HQ	TT	100,000
97	1311580	Vũ Trần Thái	Thanh	04/05/1995	LHK37B	TT	100,000
98	1611868	Bùi Thị Yến	Nhi	13/05/1996	NVK40	TT	100,000
99	1513019	Lương Huỳnh Ngọc	Thảo	23/04/1996	VLK39	TT	100,000
100	1412750	Ma	An	22/01/1996	AVK38B	DT-VC	140,000
101	1412738	Touneh Sa Li	An	06/01/1995	AVK38C	DT-VC	140,000
102	1512534	Voòng Mỹ	Hoa	01/06/1997	AVK39B	DT-VC	140,000
103	1512527	Yơ Ngõ Nai	Hiền	23/03/1997	AVK39C	DT-VC	140,000
104	1512549	Khải	Huyền	17/08/1997	AVK39C	DT-VC	140,000
105	1512525	Ka	Hào	01/03/1997	AVK39D	DT-VC	140,000
106	1512536	Christi	Hòa	31/01/1997	AVK39D	DT-VC	140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
107	1512524	Ma	Hao	19/06/1997	AVK39F	DT-VC	140,000
108	1512575	Bon Yô Ká	Luru	12/03/1997	AVK39F	DT-VC	140,000
109	1512569	Ka	Lăn	27/03/1997	AVK39G	DT-VC	140,000
110	1512764	Ka	Luyến	15/04/1997	AVK39SP	DT-VC	140,000
111	1612896	Ngọc	Linh	22/09/1998	AVK40D	DT-VC	140,000
112	1510796	Rơ Ông Ha	Tông	10/08/1997	CHK39	DT-VC	140,000
113	1312140	H Nga	Niê	10/08/1994	CPK37	DT-VC	140,000
114	1312141	Lơ Mu K'	Ngân	05/02/1993	CPK37	DT-VC	140,000
115	1312147	Sầm Thị	Thảo	01/02/1995	CPK37	DT-VC	140,000
116	1412474	Đàm Thị	Dương	29/09/1996	CPK38	DT-VC	140,000
117	1412489	Trương Thị Thúy	Hoàn	06/12/1996	CPK38	DT-VC	140,000
118	1412537	Ka	Thần	13/11/1995	CPK38	DT-VC	140,000
119	1412545	Ka	Trăng	27/03/1995	CPK38	DT-VC	140,000
120	1512047	Ka	Hỏi	13/06/1997	CPK39	DT-VC	140,000
121	1512050	Ka	Huyền	02/11/1997	CPK39	DT-VC	140,000
122	1512051	Tô Vi	La	14/12/1997	CPK39	DT-VC	140,000
123	1512066	Ksor H'	Reo	25/06/1997	CPK39	DT-VC	140,000
124	1513985	Ya	Chuẩn	25/05/1997	CPK39	DT-VC	140,000
125	1514026	Lò Văn	Mừng	08/03/1996	CPK39	DT-VC	140,000
126	1612267	Jonung Sang Nai	Nga	18/06/1998	CPK40	DT-VC	140,000
127	1612269	H'	Ngê	27/08/1998	CPK40	DT-VC	140,000
128	1612290	Jor Long Nai	Trận	11/07/1998	CPK40	DT-VC	140,000
129	1613153	Rmah H'	Duyên	01/09/1997	CPK40	DT-VC	140,000
130	1510622	Tou Prong	Cảnh	20/04/1997	CSK39	DT-VC	140,000
131	1510715	Tou Neh	Thắm	15/11/1997	CSK39	DT-VC	140,000
132	1510721	Luru Thị Mai	Thảo	27/02/1997	CSK39	DT-VC	140,000
133	1510725	Ka	Thoa	02/06/1997	CSK39	DT-VC	140,000
134	1510734	Ru	Tơ	13/06/1997	CSK39	DT-VC	140,000
135	1413045	Lương Văn	Luân	04/01/1995	CTK38	DT-VC	140,000
136	1510182	Hoàng Mạnh	Cường	30/06/1997	CTK39B	DT-VC	140,000
137	1412403	Trương Thị	Liêm	04/12/1995	DLK38	DT-VC	140,000
138	1412442	Ka Diêm	Trang	27/05/1996	DLK38	DT-VC	140,000
139	1513806	Phan Thị	Hương	18/02/1996	DLK39A	DT-VC	140,000
140	1513825	Hà Thiện	Lâm	16/04/1997	DLK39A	DT-VC	140,000
141	1511971	Nông Thị	Thiết	20/05/1997	DLK39B	DT-VC	140,000
142	1412703	Ya Thị Kim	Thanh	31/10/1996	DPK38HQ	DT-VC	140,000
143	1412712	K'	Tuyền	28/03/1995	DPK38HQ	DT-VC	140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
144	1512158	Lê Thị	Hạnh	06/03/1996	DPK39HQ	DT-VC	140,000
145	1512309	K'	Rềng	17/10/1996	DPK39HQ	DT-VC	140,000
146	1612465	Phạm Ánh	Linh	20/11/1997	DPK40HQ	DT-VC	140,000
147	1612487	H' Du Rim	Mlô	30/04/1997	DPK40HQ	DT-VC	140,000
148	1612666	Hoàng Thị Bích	Trinh	12/04/1998	DPK40HQ	DT-VC	140,000
149	1612482	Đặng Hoàng	Minh	17/11/1997	DPK40NB	DT-VC	140,000
150	1410829	Ma	Y	29/04/1996	HHK38	DT-VC	140,000
151	1311306	Hoàng Thị Thanh	Thủy	25/01/1995	KTK37	DT-VC	140,000
152	1511083	K'	Rin	06/11/1997	KTK39	DT-VC	140,000
153	1511085	Lý Thị	Thắm	10/08/1997	KTK39	DT-VC	140,000
154	1311419	Hoàng Thị	Lê	08/10/1994	LHK37A	DT-VC	140,000
155	1311441	Lô Thị	Mây	09/05/1995	LHK37A	DT-VC	140,000
156	1311468	Y Trọng	Niê	12/02/1994	LHK37A	DT-VC	140,000
157	1311485	Phùng Thị	Phương	04/08/1995	LHK37A	DT-VC	140,000
158	1311535	Nguyễn Thị	Thảo	08/03/1995	LHK37A	DT-VC	140,000
159	1310014	Phạm Đức	Việt	20/07/1991	LHK37B	DT-VC	140,000
160	1311339	Lục Văn	Dương	18/01/1995	LHK37B	DT-VC	140,000
161	1311416	Đồng Minh	Lý	08/01/1995	LHK37B	DT-VC	140,000
162	1311447	Lãnh Văn	Mạnh	18/12/1995	LHK37B	DT-VC	140,000
163	1410043	Ka	Hình	29/08/1994	LHK38A	DT-VC	140,000
164	1410047	Hoàng Lương Thanh	Hạ	16/08/1995	LHK38A	DT-VC	140,000
165	1410049	Nay	H'Nhay	03/08/1994	LHK38A	DT-VC	140,000
166	1410050	Nay	H'Huết	02/04/1992	LHK38A	DT-VC	140,000
167	1410054	Y	Đại	05/02/1995	LHK38A	DT-VC	140,000
168	1411784	H' Lem	Byã	10/01/1996	LHK38A	DT-VC	140,000
169	1411828	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/08/1996	LHK38A	DT-VC	140,000
170	1411854	Lương Thị	Hoan	09/09/1995	LHK38A	DT-VC	140,000
171	1410024	Đinh Nữ Diễm	Trang	15/02/1995	LHK38B	DT-VC	140,000
172	1410027	Un	Phối	11/02/1994	LHK38B	DT-VC	140,000
173	1410031	Y	Plép	23/03/1995	LHK38B	DT-VC	140,000
174	1410056	Đinh Thị	Xlanh	03/01/1995	LHK38B	DT-VC	140,000
175	1410058	Y Môn Buôn	Yã	01/06/1993	LHK38B	DT-VC	140,000
176	1412022	Triệu Minh	Tiến	22/08/1996	LHK38B	DT-VC	140,000
177	1412023	Phương Trung	Thiệu	01/03/1995	LHK38B	DT-VC	140,000
178	1412033	K'	Thi	04/09/1994	LHK38B	DT-VC	140,000
179	1412065	Lãnh Thị Thúy	Vân	28/03/1995	LHK38B	DT-VC	140,000
180	1412068	Hoa Trung	Văn	02/08/1994	LHK38B	DT-VC	140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
181	1412070	Hoàng Thị ái	Vân	22/11/1996	LHK38B	DT-VC	140,000
182	1510022	Lục Văn	Tuấn	28/02/1996	LHK39A	DT-VC	140,000
183	1511381	Nông Thanh	Ngọc	26/11/1996	LHK39A	DT-VC	140,000
184	1510035	Đinh Thị	Duyên	02/01/1996	LHK39B	DT-VC	140,000
185	1511160	La Văn	Cạnh	10/01/1995	LHK39B	DT-VC	140,000
186	1511276	Đàm Văn	Hợp	02/02/1995	LHK39B	DT-VC	140,000
187	1510019	Un Đại	Tài	18/06/1996	LHK39C	DT-VC	140,000
188	1511156	Lục Quốc	Bảo	23/03/1996	LHK39C	DT-VC	140,000
189	1511178	Long Thành	Đạt	23/02/1996	LHK39C	DT-VC	140,000
190	1511363	Ka	Mỗi	09/02/1997	LHK39C	DT-VC	140,000
191	1511506	Hoàng Thị	Thêu	15/10/1997	LHK39C	DT-VC	140,000
192	1511586	Long Phi	Tư	18/06/1997	LHK39C	DT-VC	140,000
193	1510037	Đinh Thị	Xinh	16/07/1996	LHK39D	DT-VC	140,000
194	1511258	Ngô Thị	Hòa	14/06/1997	LHK39D	DT-VC	140,000
195	1511362	H' Rup	Miô	16/03/1996	LHK39D	DT-VC	140,000
196	1610009	K'thị	Hoài	08/05/1995	LHK40A	DT-VC	140,000
197	1610010	Rơ Ông K	Minh	29/10/1997	LHK40A	DT-VC	140,000
198	1611273	H Lân Buôn	Dap	31/01/1998	LHK40A	DT-VC	140,000
199	1611554	Hoàng Thị	Phượng	04/06/1998	LHK40A	DT-VC	140,000
200	1611610	Hoàng Văn	Thảo	04/12/1998	LHK40A	DT-VC	140,000
201	1611643	Nguyễn Luân	Thường	12/10/1998	LHK40A	DT-VC	140,000
202	1611663	Trần Thị Bảo	Tín	02/09/1998	LHK40A	DT-VC	140,000
203	1611366	H Dliu	Hmők	17/08/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
204	1611385	Lý Thị Minh	Huệ	24/06/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
205	1611480	Ka	Mhánh	11/08/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
206	1611506	Ka	Ngọc	12/03/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
207	1611532	H' Yêu	Niê	10/05/1997	LHK40B	DT-VC	140,000
208	1611581	K'	Son	02/01/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
209	1611657	Ka Sa Ha	Tiên	16/10/1995	LHK40B	DT-VC	140,000
210	1613330	Rmah	Huynh	25/10/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
211	1613344	Les	Sân	15/04/1995	LHK40B	DT-VC	140,000
212	1613346	Lý Thị	Thom	04/01/1998	LHK40B	DT-VC	140,000
213	1412301	Hoàng Thị	Ngọc	27/12/1996	LSK38	DT-VC	140,000
214	1611842	Cil Pam Ly	Sa	28/06/1997	LSK40	DT-VC	140,000
215	1411141	Trương Thị	Thắm	05/04/1996	MTK38	DT-VC	140,000
216	1510515	Lò Đức	Huy	09/01/1997	MTK39	DT-VC	140,000
217	1510529	Liêng Hót Ha	Soan	25/01/1996	MTK39	DT-VC	140,000

STT	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Đối tượng	Mức TC/tháng
218	1310869	Ma Quốc	Bảo	08/12/1995	NHK37	DT-VC	140,000
219	1310874	K' Long Ha	Kốp	22/05/1995	NHK37	DT-VC	140,000
220	1411163	Ma	Chu	30/12/1996	NHK38	DT-VC	140,000
221	1411178	Ka'	Nguyễn	07/05/1996	NHK38	DT-VC	140,000
222	1411193	Ka	Trình	30/12/1994	NHK38	DT-VC	140,000
223	1415162	Ka	Lý	27/03/1996	NHK38CD	DT-VC	140,000
224	1610557	Mông Thị	Thu	23/03/1998	NHK40	DT-VC	140,000
225	1610561	Bonahria	Tiêu	16/02/1998	NHK40	DT-VC	140,000
226	1613233	Ka	Oi	17/12/1997	NHK40	DT-VC	140,000
227	1311758	Ma	Nguyễn	25/09/1995	NVK37	DT-VC	140,000
228	1412248	Lục Thị	Phương	15/12/1993	NVK38SP	DT-VC	140,000
229	1511702	K'long K'	Juyết	12/08/1997	NVK39	DT-VC	140,000
230	1612735	Cill Pam Ka	Ngha	03/05/1998	QHK40	DT-VC	140,000
231	1411502	Touneh	Êmira	06/06/1996	QTK38	DT-VC	140,000
232	1510948	Nông Đức	Quyền	20/06/1997	QTK39A	DT-VC	140,000
233	1510908	Klong Tri	Nga	10/11/1997	QTK39B	DT-VC	140,000
234	1610447	Rơ Ông K'	Jang	13/07/1997	SHK40SP	DT-VC	140,000
235	1310060	K'	Dung	03/05/1995	TNK37	DT-VC	140,000
236	1410016	Nguyễn Hoàng	Nam	28/07/1995	VTK38	DT-VC	140,000

Tổng cộng: 236 SV



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS

Nguyễn Đức Hòa